TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2018
V/v "tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Hân Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hoàng.

2. Ông Đinh Văn Diện.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2018/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2018 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Huỳnh Thị Tuyền E**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: 1189/AB, ấp P, xã A, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh **Trần Minh P**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 05/5/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị Tuyền E trình bày: sau thời gian tìm hiểu, tôi với anh P chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu tôi với anh P chung sống hạnh phúc, đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng

quan điểm sống, anh P không quan tâm đến vợ con, chỉ lo chơi bời nên tôi với anh P thường cự cãi nhau. Vì muốn duy trì hạnh phúc gia đình nên tôi nhiều lần khuyên ngăn để anh P lo làm ăn nhưng anh vẫn không thay đổi. Đến ngày 30 tháng 4 năm 2014 thì tôi và anh P sống ly thân cho đến nay. Do không có đăng ký kết hôn nên tôi yêu cầu Tòa án không công nhận tôi với anh P là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: tôi với anh P có 02 con chung tên Trần Quốc Đ, sinh ngày 30/10/2009 và Trần Quốc D, sinh ngày 06/4/2013. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi hai con; không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Trần Minh P: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh P, nhưng anh đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Minh P đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Trần Minh P để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, anh P đều vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[3] Về nội dung: chị E với anh P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, có tổ chức đám cưới nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, chị E với anh P chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và sống ly thân từ tháng 4 năm 2014 cho đến nay. Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P nhưng anh không đến tham gia các phiên hòa giải, cũng như không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn tình cảm với chị E. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị E với anh P mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Tại khoản 2 Điều 53 quy định: "Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận

quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này". Chị E yêu cầu ly hôn với anh P, nhưng do chị E với anh P không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị Tuyền E với anh Trần Minh P.

[4] Về quan hệ con chung: chị E với anh P có 02 chung tên Trần Quốc Đ, sinh ngày 30/10/2009 và Trần Quốc D, sinh ngày 06/4/2013. Chị E yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên; cháu Đ và cháu D đang sống chung với chị E và được học hành ổn định. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2018 thì nguyện vọng của cháu Đ muốn được ở với chị E. Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu Đ và cháu D, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị E, giao cháu Đ và cháu D cho chị E tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Huỳnh Thị Tuyền E không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị E cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[5] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: chị E xác định không có nợ chung.

[7] Do chị Huỳnh Thị Tuyền E yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Tuyền E.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị Tuyền E với anh Trần Minh P.

- Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Trần Quốc Đ, sinh ngày 30/10/2009 và Trần Quốc D, sinh ngày 06/4/2013.

+ Giao các cháu Trần Quốc Đ và Trần Quốc D cho chị Huỳnh Thị Tuyền E tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện các cháu Đ và D đang sống chung với chị E).

+ Chị Huỳnh Thị Tuyền E cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về nợ chung: ghi nhận chị E xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị E và anh P trong thời kỳ hôn nhân thì chị Huỳnh Thị Tuyền E và anh Trần Minh P phải liên đới trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí sơ thẩm: chị Huỳnh Thị Tuyền E phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001014 ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hân Em